

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình: Kênh, mương  
nội đồng Làng Xăm, xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều  
theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật  
số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định  
06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung  
về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định  
số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây  
dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh  
Hóa về việc phân bổ nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm  
2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm  
2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định 2098/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND  
huyện Như Xuân về việc phê duyệt danh mục đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã,  
thôn đặc biệt khó khăn năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển  
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030,  
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 15/9/2022, của Chủ tịch UBND  
huyện Như Xuân về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công  
trình Kênh, mương nội đồng Làng xăm, xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân;*

*Xét Tờ trình số 28/TTr-BQLDA-135 ngày 20/10/2022, của Ban quản lý dự  
án đầu tư xây dựng huyện và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại  
báo cáo thẩm định số 169/TĐ-KTHT ngày 24/10/2022, của Ban quản lý dự án đầu  
tư xây dựng huyện tại*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình Kênh, mương nội đồng Làng Xăm, xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, với các nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Kênh, mương nội đồng Làng Xăm, xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND huyện Như Xuân.

**3. Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

**4. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:** Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh.

**5. Địa điểm xây dựng:** xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân.

**6. Nội dung thiết kế điều chỉnh:**

*6.1. Điều chỉnh toàn bộ nội dung quy mô đầu tư thành:*

- Tuyến kênh mương nội đồng bê tông xi măng có tổng chiều dài  $L=557,92\text{m}$ , kích thước thân mương  $(1,1 \times 0,85)\text{m}$ , lòng mương  $B=(0,7 \times 0,7)\text{m}$ .

- Công trình trên kênh: Thiết kế cửa xả nước vào ruộng mật độ  $30\text{m}/2$  cửa xả, mỗi bên thành mương 1 cửa xả, chắn cửa xả nước bằng các tấm gỗ.

*6.2. Điều chỉnh toàn bộ nội dung mặt cắt ngang kênh thành:*

- Đáy kênh được gia cố nền bằng lớp đất đắp đầm chặt K95;

- Lót đáy kênh bằng đá dăm đệm móng dày  $10\text{cm}$ ;

- Đáy kênh bằng BTXM M200 dày  $15\text{cm}$ ;

- Tường kênh bằng BTXM M200 dày  $20\text{cm}$ ;

- Cứ  $10\text{m}$  bố trí 1 khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường 2 lớp;

- Thanh giằng mương kích thước  $(0,12 \times 0,12 \times 0,9)\text{m}$  bằng BTCT đá  $1 \times 2$  M250 mật độ  $3,1\text{m}/\text{thanh}$ ;

- Lòng kênh láng lớp VXM mác 75, dày  $2,0\text{cm}$ ;

- Đắp đất giữ bờ kênh chiều rộng đắp  $B=0,5\text{m}$  mỗi bên, chiều cao đắp bằng chiều cao kênh;

- Taluy đắp  $1/1,1$ , taluy đào  $1:0,5$ , vật liệu sử dụng đất đắp tận dụng lại từ đất đào và đất mua tại mỏ.

*6.3. Bổ sung thiết kế:*

- Bổ sung tấm đan qua đường bằng BTCT kích thước  $(0,9 \times 1,0 \times 0,15)\text{m}$ . Kết cấu: Tấm đan qua đường bằng BTCT đá  $1 \times 2$  mác 200#;

*6.4. Các nội dung khác:* giữ nguyên theo QĐ số 2176/QĐ-UBND ngày 15/9/2022, của Chủ tịch UBND huyện.

**7. Dự toán điều chỉnh:**

**Tổng dự toán: 1.063.000.000 đồng**

*(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm sáu mươi ba triệu)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	860.079.000	đồng
- Chi phí QLDA:	25.896.000	đồng
- Chi phí tư vấn:	114.241.000	đồng
- Chi phí khác:	14.037.000	đồng
- Chi dự phòng:	48.657.000	đồng

**8. Nguồn vốn:** Theo Quyết định 2098/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện.

**9. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và thực hiện hoặc hợp đồng tư vấn quản lý dự án theo quy định.

**10. Thời gian thực hiện:** Năm 2022.

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Tuấn**

**PHỤ BIỂU**  
**DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH (ĐIỀU CHỈNH)**  
**CÔNG TRÌNH: KÊNH, MƯƠNG NỘI ĐỒNG LÀNG XĂM, XÃ THANH LÂM, HUYỆN NHƯ XUÂN**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND huyện)*

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>				<b>796.369.065</b>	<b>63.709.525</b>	<b>860.079.000</b>	<b>Gxd</b>
1	Mương tưới		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	796.369.065	63.709.525	860.079.000	
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,263%</b>		Gxd trước thuế x tỷ lệ	<b>25.985.523</b>		<b>25.986.000</b>	<b>Gqlda</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>				<b>105.778.400</b>	<b>8.462.272</b>	<b>114.241.000</b>	<b>Gtv</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình			Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	28.802.075	2.304.166	31.106.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng				864.062	69.125	933.000	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	6,2%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	49.374.882	3.949.991	53.325.000	
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,361%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	2.874.892	229.991	3.105.000	
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,598%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	20.689.668	1.655.173	22.345.000	
6	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	1.172.820	93.826	1.267.000	
7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,05%			1.000.000	80.000	1.080.000	
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%			1.000.000	80.000	1.080.000	
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>14.037.034</b>		<b>14.037.000</b>	<b>Gk</b>
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	6.059.100		6.059.000	
2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	4.137.934		4.138.000	
3	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật			Tối thiểu	3.840.000		3.840.000	
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>						<b>48.657.000</b>	<b>Gdp</b>
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	4,80%		(Gxd+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			48.657.000	
	<b>Tổng cộng</b>						<b>1.063.000.000</b>	<b>Gxdct</b>

